TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. G
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 34/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 06-5-2019.
V/v: xin ly hôn, nuôi con chung**.**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ G

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh - Thẩm phán
- *Các hội thẩm nhân dân*: 1. Bà Trần Lệ Nga
2. Bà Đoàn Thị Liễu
- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Diễm Trinh – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân thành phố G.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố G tham gia phiên tòa*: Bà Danh Tường Vi– Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố G xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 08/2019/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2019 về việc: "Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

Ng đơn: Chị **Hứa Hồng Ng**, sinh năm 1983

Địa chỉ: số 1361 tổ 1, khu phố Vĩnh Viễn, phường Vĩnh Hiệp, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Anh **Bùi Văn T**, sinh năm: 1981

Địa chỉ: số 1361 tổ 1, khu phố Vĩnh Viễn, phường Vĩnh Hiệp, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

(Chị Ng và anh T có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Trong quá trình giải quyết vụ án Ng đơn chị Hứa Hồng Ng trình bày:**

Chị và anh T tự quen nhau và tự nguyện chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán vào năm 2003. Có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Thạnh Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 23-01-2009.

Lý do chị Ng xin ly hôn: Trong quá trình chung sống vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên xẩy ra cự cãi nhau. Anh T thường xuyên nhậu say rồi đánh đập, chửi cha mẹ vợ, đập phá đồ đạc trong nhà. Sau khi tỉnh táo anh T có hứa sẽ sữa đổi nhưng vẫn chứng nào tật nấy trong suốt 15 năm qua. Chị và anh Tùng đã tự ly thân từ tháng 11-2018 đến nay không ai quan tâm tới ai. Nay thấy không còn tình cảm vợ chồng nên chị Ng yêu cầu ly hôn với anh Tùng.

Về con chung: vợ chồng có 02 người con chung tên Bùi Thị Quỳnh Như, sinh ngày 10-8-2004 và Bùi Gia Bảo, sinh ngày 02-7-2012 hiện đang sống cùng với chị Ng. Chị Ng yêu cầu được nuôi hai người con chung và không yêu cầu anh Tùng cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Nguyên xác nhận vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Ng xác nhận không có.

Tại phiên tòa chị Ng có yêu cầu:

Về hôn nhân: Chị Ng yêu cầu ly hôn với anh Bùi Văn Tùng vì tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: Chị Ng yêu cầu được nuôi hai người con chung tên Bùi Thị Quỳnh Như, sinh ngày 10-8-2004 và Bùi Gia Bảo, sinh ngày 02-7-2012, không yêu cầu anh Tùng cấp dưỡng nuôi con. Nếu anh Tùng muốn nuôi con thì chị cũng thống nhất giao con cho anh Tùng nuôi dưỡng, chị không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Ng xác nhận vợ chồng có 01 xe hon đa hiệu Sirius anh Tùng đang sử dụng, 01 căn nhà bằng cây, vách tol do đạo Hòa Hảo cất cho anh chị; 01 tủ lạnh hiện anh Tùng đang ở tại nhà và sử dụng tủ lạnh. Chị Ng xác nhận tự thỏa thuận về tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Ng xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Tại Biên bản lấy lời khai và Biên bản hòa giải của Tòa án bị đơn anh Bùi Văn Tùng trình bày:**

Anh Tùng và chị Ng tự quen nhau và chung sống có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán vào năm 2003. Vợ chồng có đăng ký kết hôn trễ hạn và được Ủy ban nhân dân phường xã Thạnh Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 23/01/2009. Quá trình chung sống vợ chồng anh cũng có nhậu với bạn bè khi say về vợ chồng có cự cãi nhau nhưng anh không có đánh đập chị Ng. Anh đã tự xin lỗi chị Ng nhưng chị Ng vẫn ra ở riêng mà không tiếp tục chung sống với anh.

Nay anh Tùng không đồng ý ly hôn với chị Ng vì con yêu thương vợ con.

Về con chung: vợ chồng có 02 người con chung tên Bùi Thị Quỳnh Như, sinh ngày 10-8-2004 và Bùi Gia Bảo, sinh ngày 02-7-2012 anh không đồng ý ly hôn nên không chấp nhận giao 02 người con cho chị Ng nuôi. Anh yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị Ng cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh Tùng xác nhận tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: anh Tùng xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bị đơn anh Bùi Văn Tùng có ý kiến:

Anh chưa đồng ý ly hôn với chị Ng mà xin thời gian để thỏa thuận xong về phần tài sản.

Về con chung: anh yêu cầu được nuôi hai người con chung tên Bùi Thị Quỳnh Như, sinh ngày 10-8-2004 và Bùi Gia Bảo, sinh ngày 02-7-2012, không yêu cầu chị Ng cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh Tùng xác nhận vợ chồng có 01 xe hiệu Sirius anh Tùng đang sử dụng, 01 căn nhà bằng cây, vách tol do đạo Hòa Hảo cất cho anh chị hiện anh Tùng đang ở. Nhà được cất trên phần đất do cha mẹ chị Ng cho, diện tích đất này hiện chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; 01 tủ lạnh hiện anh Tùng đang sử dụng. Anh Tùng yêu cầu được sử dụng đất và nhà để nuôi con.

Về nợ chung: Anh Tùng xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố G phát biểu quan điểm:***

1. Về tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo Bộ luật tố tụng dân sự đã quy định.

Các đương sự cũng thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ng đơn.

2. Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ng; Về con chung đề nghị giao 02 cháu Bùi Thị Quỳnh Như, sinh ngày 10-8-2004 và Bùi Gia Bảo, sinh ngày 02-7-2012 cho chị Ng trực tiếp nuôi dưỡng; Về tài sản chung: tại phiên tòa ông Tùng có yêu cầu được chia tài sản, tuy nhiên ông Tùng không có đơn yêu cầu phản tố trước giai đoạn mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Do đó đối chiếu với quy định tại khoản 1 Điều 199, khoản 3 Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu, nếu ông Tùng có yêu cầu giải quyết phân chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ khởi kiện bằng vụ kiện khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang theo qui định tại Điều 28; Điều 35 và 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Ng đơn và những nội dung liên quan đến vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Ng và anh Tùng tự nguyện chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới và được Ủy ban nhân dân xã Thạnh Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 23-01-2009 phù hợp theo quy định tại Điều 9 và Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Ng đơn chị Ng yêu cầu được ly hôn với anh Tùng vì tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Còn bị đơn anh Tùng không đồng ý ly hôn với chị Ng vì chưa thỏa thuận xong việc chia tài sản với chị Ng. Hội đồng xét xử xét thấy, vợ chồng chung sống với nhau phải thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, anh Tùng chị Ng đều thừa nhận là anh Tùng thường nhậu say dẫn đến vợ chồng cự cãi nhau thường

xuyên. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Ng và anh Tùng là có thật. Hơn nữa, thời gian từ tháng 11-2018 vợ chồng sống ly thân, không còn sinh hoạt vợ chồng, không còn chung về kinh tế, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau cho đến nay vẫn không đoàn tụ được. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Ng với anh Tùng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên có cơ sở để chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Ng đối với anh Tùng.

Về con chung: Xét yêu cầu của chị Ng là được nuôi 02 người con chung tên Bùi Thị Quỳnh Như, sinh ngày 10-8-2004 và Bùi Gia Bảo, sinh ngày 02-7-2012, nhưng nếu anh Tùng yêu cầu nuôi con thì chị cũng đồng ý để anh Tùng nuôi. Anh Tùng yêu cầu nuôi 02 con chung, không yêu cầu chị Ng cấp dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Như là con gái về điều kiện tâm sinh lý cần sự chăm sóc của người mẹ vì đang độ tuổi phát triển. Hơn nữa tại Biên bản ghi nhận ý kiến cháu Như có nguyện vọng được sống cùng với chị Ng phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do vậy, Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Như cho chị Ng trực tiếp nuôi dưỡng. Đối với cháu Bùi Gia Bảo do hiện nay chị Ng thu nhập không ổn định, không đủ điều kiện về kinh tế để một lúc nuôi hai người con nên Hội đồng xét xử thống nhất ghi nhận sự tự nguyện của chị Ng và anh Tùng giao cháu Bảo cho anh Tùng trực tiếp nuôi dưỡng. Theo Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình thì cha hoặc mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nhưng trong vụ án này chị Ng và anh Tùng không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không có sơ sở xem xét.

Về tài sản chung: Chị Ng và anh Tùng xác nhận vợ chồng có 01 căn nhà bằng cây, vách mái lợp tôn do đạo Hòa Hảo cất; 01 chiếc xe hon đa Sirius hiện anh Tùng đang sử dụng; 01 tủ lạnh hiện anh Tùng đang sử dụng. Chị Ng yêu cầu tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Tùng yêu cầu chị Ng để lại căn nhà cho anh và các con sử dụng. Xét thấy, anh Tùng đã không có đơn yêu cầu phản tố trước giai đoạn mở phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đối với yêu cầu chia tài sản nên căn cứ Điều 199 và khoản 3 Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử không có cơ sở để giải quyết trong vụ án này. Nếu ông Tùng và chị Ng không thỏa thuận được vấn đề tài sản chung thì có quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác.

Về nợ chung: Chị Ng và anh Tùng xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội buộc chị Hứa Hồng Ng phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000410 ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố G nên chị Ng được khấu trừ xong.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các khoản 1 Điều 28, 35, 39, 199, 200, 235 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 9 và 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 51, Điều 56, 81 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về xin ly hôn và nuôi con chung của chị Hứa Hồng Ng với anh Bùi Văn Tùng.

Tuyên bố chị Hứa Hồng Ng được ly hôn với anh Bùi Văn Tùng.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Thị Quỳnh Như, sinh ngày 10-8-2004 cho chị Nguyên trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Bùi Gia Bảo, sinh ngày 02-7-2012 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Nguyên và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

Ông T, chị Nguyên có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyên và anh T tự thỏa thuận nếu không thỏa thuận được vấn đề tài sản thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

4. Về nợ chung: Chị Nguyên và anh T xác nhận không có nên không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Hứa Hồng Nguyên phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai

thu số 0000410 ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố G nên chị Nguyên được khấu trừ xong.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (06-5-2019).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;*
- *Viện kiểm sát nhân dân thành phố G;*
- *Chi cục thi hành án dân sự thành phố G;*
- *Các đương sự ;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh